

Bản án số: 36/2019/DS-PT  
Ngày: 06-6-2019  
V/v tranh chấp thừa kế tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN**

**- TH1nh phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Văn Cường

*Các Thẩm phán:* Bà Đoàn Thị Thanh Thúy, ông Lương Thanh Chín

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Thái Văn Trung – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:**  
Bà Phạm Thị Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 34/2018/ TLPT-DS ngày 29/5/2018, về việc: “*Tranh chấp thừa kế tài sản*”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 12/2018/DS-ST ngày 24 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện ĐL bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 95/2019/QĐ-PT ngày 13/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1977

Địa chỉ: Số 45, đường số 37, thôn 7, xã Đ, huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trung T, sinh năm 1988 (Văn bản ủy quyền ngày 07/3/2017).

Địa chỉ: Ấp Thọ Lâm 1, xã PT, huyện TP, tỉnh Đ.

Tạm trú: Số 104/518, khu phố 4, phường M, tH1nh phố H, tỉnh Đ, có mặt.

**Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1980

Địa chỉ: Số 27, đường số 32, thôn 6, xã Đ, huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Cháu Nguyễn Văn H2, sinh năm 2006.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Vũ Thị T, sinh năm 1972.

Cùng địa chỉ: Số 25, đường số 32, thôn 6, xã Đ, huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận.

2. Bà Vũ Thị T, sinh năm 1972.

Địa chỉ: số 25, đường số 32, thôn 6, xã Đ, huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1978 (Văn bản ủy quyền ngày 19/12/2017).

Địa chỉ: Xóm 1A, xã VH, huyện P, tỉnh Bình Thuận. có mặt.

Do có kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Vũ Thị T.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 06/3/2017 và các lời khai của đại diện Nguyên đơn trình bày: Vào khoảng năm 1991, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị C có nhận chuyển nhượng diện tích đo đạc thực tế 14.291,1 m<sup>2</sup> đất trồng lúa tại xứ đồng Bàu Nút, xã Đ, huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận. Thửa đất hiện nay chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quá trình chung sống, ông T và bà C có 02 người con chung là Nguyễn Thị H và Nguyễn Văn H1. Do chung sống không hạnh phúc nên vào năm 2004, ông T và bà C đã ly hôn theo bản án dân sự sơ thẩm số 16/DS-ST ngày 09/12/2004 tại TAND huyện ĐL. Quá trình ly hôn, ông và bà không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung đối với diện tích 14.291,1 m<sup>2</sup> đất nêu trên. Sau khi ly hôn ông T là người trực tiếp quản lý và sử dụng diện tích đất này. Cũng trong năm 2004, ông T đã chung sống như vợ chồng với bà Vũ Thị T nhưng không đăng ký kết hôn. Ông T và bà T có 01 người con chung là Nguyễn Văn H2. Đến năm 2007 thì ông T chết và năm 2016 bà C chết. Trước khi chết thì ông T và bà C không để lại di chúc. Cha mẹ của ông T và cha mẹ của bà C đã chết trước ông T và bà C. Hiện nay, H1ng thừa kế thứ nhất của ông T gồm bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn H1 và Nguyễn Văn H2; H1ng thừa kế thứ nhất của bà C gồm Nguyễn Thị H và Nguyễn Văn H1. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia di sản của ông T và bà C là diện tích 14.291,1 m<sup>2</sup> đất trồng lúa nêu trên theo quy định của pháp luật và yêu cầu nhận hiện vật và hoàn tiền lại cho các thừa kế khác.

Bị đơn Nguyễn Văn H1 trình bày: Về nguồn gốc di sản là diện tích 14.291,1 m<sup>2</sup> đất trồng lúa tại xứ đồng Bàu Nút, xã Đ, huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận và về H1ng thừa kế thứ nhất của ông T và bà C thì ông cũng thống nhất với nguyên đơn. Ông đề nghị Tòa án giải quyết phân chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Vũ Thị T trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn T sống chung với nhau từ năm 2004 nhưng không có đăng ký kết hôn, năm 2007 ông T chết không để lại di chúc. Bà và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Văn H2, sinh năm 2006. Về diện tích 14.291,1 m<sup>2</sup> đất trồng lúa tại xứ đồng Bàu Nút, xã Đ, huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận thì bà không có tranh chấp quyền sử dụng đất đối với diện tích đất trên. Bà yêu cầu Tòa án nếu chia di sản thừa kế của ông T thì các đồng thừa kế phải trả cho bà tiền chuộc lại ruộng do khi còn sống ông T đã nhận tiền đặt cọc nhằm chuyển nhượng diện tích đất trên, với số tiền 10.000.000 đồng; tiền lo ma chay của ông T là 20.000.000 đồng và tiền công chăm sóc cho ông T trong 02 năm trước khi ông T chết.

Ngày 24 tháng 4 năm 2018, Tòa án nhân dân huyện ĐL đã đưa vụ án ra xét xử tại Bản án số 12/2018/DS-ST, quyết định:

Căn cứ: Khoản 5 Điều 26, Điều 147, Điều 165, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 357, Điều 468, Điều 609, 610, 611, 612, 613, 615, khoản 2 Điều 616, Điều 623, 649, điểm a khoản 1 Điều 650, điểm a khoản 1 Điều 651, khoản 2 Điều 660 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 101, Điều 166, Điều 167, khoản 1 Điều 168 Luật Đất đai năm 2013; Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986; Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi H1nh án dân sự năm 2008

Tuyên xử:

Xác định H1ng thừa kế thứ nhất được nhận di sản thừa kế do ông Nguyễn Văn T chết để lại gồm: Bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn H1 - con chung của ông Nguyễn Văn T với bà Nguyễn Thị C và Nguyễn Văn H2 - con chung của ông Nguyễn Văn T với bà Vũ Thị T; Xác định H1ng thừa kế thứ nhất được nhận di sản thừa kế do bà Nguyễn Thị C chết để lại gồm: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn H1 - là con chung của bà Nguyễn Thị C với ông Nguyễn Văn T.

Di sản thừa kế do ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị C chết để lại là diện tích đất 14.291,1 m<sup>2</sup> tại xứ đồng Bàu Nút, xã Đ, huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trị giá 357.277.500 đồng

Thanh toán tiền mai táng phí cho ông T đã do bà T chi trả số tiền là 15.000.000 đồng

Giá trị di sản của ông T và bà C để chia cho các đồng thừa kế là 357.277.500 đồng

Phần giá trị di sản của ông Nguyễn Văn T để lại là 178.639.000 đồng – 15.000.000 đồng = 163.639.000 đồng, được chia bằng tiền tH1nh 03 phần bằng nhau, mỗi phần được H2 trị giá là 54.546.000 đồng.

Phần giá trị di sản của bà Nguyễn Thị C để lại là 178.639.000 đồng, được chia tH1nh bằng tiền 02 phần bằng nhau, mỗi phần được H2 trị giá là 89.320.000 đồng.

Chia bằng hiện vật tài sản thừa kế cho bà Nguyễn Thị H được quyền sử dụng diện tích 14.291,1 m<sup>2</sup> tại xứ đồng Bàu Nút, xã Đ, huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận, ký hiệu từ M1-M9 theo sơ đồ hiện trạng thửa đất, ngày 15/05/2015. Buộc bà Vũ Thị T phải giao diện tích đất 14.291,1 m<sup>2</sup> này cho bà Nguyễn Thị H quản lý, sử dụng. Bà H có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan NH1 nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Về nghĩa vụ bồi trả chênh lệch :

Buộc bà Nguyễn Thị H phải bồi trả cho ông Nguyễn Văn H1 số tiền 143.866.000 đồng, thanh toán cho bà Vũ Thị T số tiền 15.000.000 đồng tiền mai táng phí và phải bồi trả cho cháu Nguyễn Văn H2 số tiền 54.546.000 đồng. Phần di sản bà H được H2 trị giá là 143.866.000 đồng.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên án phí, lệ phí Tòa án, quyền kháng cáo của các đương sự, quy định về nghĩa vụ chậm thi hành án, quyền yêu cầu thi

hành án, nghĩa vụ thi hành án và thời hiệu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/4/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp và chia thừa kế là không đúng, ảnh H2 nghiêm trọng đến quyền lợi của bà và Nguyễn Văn H2 (con bà). Đề nghị tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm bác đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

#### **Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Người đại diện theo ủy quyền của bà Vũ Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị:

1- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì đất mà bà H yêu cầu chia thừa kế chưa có giấy chứng nhận và cũng không có 01 trong các loại giấy tờ theo quy định của pháp luật đất đai. Nên không được coi là di sản để chia thừa kế.

2- Nếu tòa án xác định diện tích đất mà bà H yêu cầu chia thừa kế là di sản, thì bà T yêu cầu được chia bằng hiện vật, không đồng ý nhận tiền như tòa án cấp sơ thẩm đã chia.

- Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H không đồng ý theo yêu cầu của bà T, đề nghị giải quyết như Tòa án cấp sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

*Căn cứ tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận.*

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Xét, việc bà Vũ Thị T kháng cáo cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự và chia thừa kế là không đúng, ảnh H2 nghiêm trọng đến quyền lợi của bà và Nguyễn Văn H2 (con bà).

Hội đồng xét xử án xét thấy:

[1] Theo khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “*Bị đơn trong vụ án dân sự là người bị nguyên đơn khởi kiện hoặc bị cơ quan, tổ chức, cá nhân khác do Bộ luật này quy định khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án khi cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bị người đó xâm phạm*”.

[2] Trong vụ án này tài sản mà nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế là quyền sử dụng đất không do bị đơn quản lý, bị đơn đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của nguyên đơn, giữa nguyên đơn với bị đơn không tranh chấp nên quyền và lợi ích hợp pháp của họ không đối lập nhau, bị đơn không xâm phạm quyền và lợi ích

hợp pháp của nguyên đơn; nguyên đơn chỉ tranh chấp với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Vũ Thị T.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện nguyên đơn cho rằng giữa nguyên đơn với bị đơn có tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ giữa nguyên đơn với bị đơn có tranh chấp hay không, nếu có tranh chấp thì tranh chấp ở nội dung nào trong yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại áp dụng khoản 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự để thụ lý và giải quyết theo thủ tục giải quyết vụ án là không đúng, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng dân sự.

[4] Theo nguyên đơn khai diện tích đất tranh chấp là di sản của cha mẹ nguyên đơn để lại chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng. Nhưng tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ quyền sử dụng diện tích đất mà nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế có đủ điều kiện để trở thành di sản để chia thừa kế theo quy định của pháp luật hay không.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm lập Biên bản về việc không tiến hành hòa giải được vào ngày 27.10.2017 (bl: 77) do Thẩm phán Huỳnh Văn Thuận tiến hành, nhưng cuối Biên bản do Thẩm phán Phan Phúc Thị Thu ký, là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[6] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc diện tích đất tranh chấp mà căn cứ vào sơ đồ hiện trạng thửa đất do nguyên đơn cung cấp được lập ngày 15.5.2015, trước khi thụ lý vụ án. Trong khi diện tích đất theo sơ đồ do nguyên đơn cung cấp có diện tích 14.291,1 m<sup>2</sup> thuộc thửa số 2; còn diện tích đất mà bà T đang quản lý, sử dụng theo Ủy ban nhân dân xã Đ xác định là 15.531,2 m<sup>2</sup> thuộc 2 thửa: Thửa 47 tờ bản đồ số 108 diện tích 5.251, 2 m<sup>2</sup>, thửa 38 tờ bản đồ số 108 diện tích 10.279,9 m<sup>2</sup>. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ diện tích 14.291,1 m<sup>2</sup> đất mà nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế năm 01 phần hay toàn bộ diện tích 15.531,2 m<sup>2</sup> đất hiện do bà T quản lý và vì sao có sự khác nhau về số thửa; ngoài 15.531,2 m<sup>2</sup> đất nêu trên, bà T còn quản lý, sử dụng đất nào khác không ?

[7] Do Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng dân sự và thiếu sót như đã nêu ở trên mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được, nên hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định của pháp luật, như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tại phiên tòa phúc thẩm.

[8] Do hủy án, nên tạm ứng án phí sơ thẩm và lệ phí Tòa án sẽ được giải quyết khi vụ án được giải quyết lại. Người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[9] Ngoài yêu cầu kháng cáo, qua vụ án này xét thấy việc tòa án cấp sơ thẩm dùng ngôn từ địa phương “thối trả” trong bản án là không đúng thuật ngữ pháp lý. Nên cần rút kinh nghiệm chung với Tòa án cấp sơ thẩm không dùng từ “thối trả” trong bản án và các văn bản khi giải quyết vụ án.

Bởi các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự,

- Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2018/DS-ST, ngày 24 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện ĐL. Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện ĐL giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

- Tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm và lệ phí Tòa án sẽ được quyết định khi vụ án được giải quyết lại.

- Bà Vũ Thị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả cho bà Vũ Thị T 300.000 đồng tạm ứng đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0018387 ngày 02.5.2018 của Chi cục Thi H1nh án dân sự huyện ĐL.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 06.6.2019.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND huyện ĐL;
- Chi cục THADS huyện ĐL;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(đã ký)

**Đặng Văn Cường**